

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP 2025

Khóa học: Khóa 28 (2022-2025) ; Khóa 27 (2021-2024) ; Khóa 26 (2020-2023) ; Khóa 25 (2019-2022).
Hình thức đào tạo: Chính quy - Bậc: Cao đẳng

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	HDDL26	20CDL06	PHẠM HOÀI LIÊM	Nam	14/07/2002	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
2	HDDL27	21CDL02	NGUYỄN LÊ NGỌC CHÂN	Nam	16/08/2003	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
3	HDDL27	21CDL04	TRẦN NGUYỄN SÔNG HƯƠNG	Nữ	10/01/2003	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
4	HDDL27	20CDL13	HỒ THỊ THANH THẢO	Nữ	30/12/1999	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
5	HDDL27	21CDL12	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	26/03/2003	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
6	HDDL28	22CDL02	DƯƠNG THÁI CUỒNG	Nam	14/10/2003	Hướng dẫn du lịch	Khá	
7	HDDL28	22CDL05	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	20/06/2003	Hướng dẫn du lịch	Khá	
8	HDDL28	22CDL06	HỒ HOÀI NGÂN	Nam	29/01/1998	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
9	HDDL28	22CDL07	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	27/10/2002	Hướng dẫn du lịch	Giỏi	
10	HDDL28	22CDL11	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	17/01/1997	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
11	HDDL28	22CDL15	MAI THỊ MỸ XUYỀN	Nữ	19/07/2003	Hướng dẫn du lịch	Khá	
12	QLVH26	20CQL04	PHẠM TƯỜNG DUY	Nam	29/12/1999	Quản lý văn hóa	Trung bình	
13	QLVH27	21CQL07	BÙI THIÊN HẢI	Nam	26/10/2000	Quản lý văn hóa	Khá	
14	QLVH27	21CQL14	VƯƠNG TỬ KIẾN	Nam	22/8/2001	Quản lý văn hóa	Trung bình	
15	QLVH27	21CQL24	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	Nam	03/12/1998	Quản lý văn hóa	Khá	
16	QLVH27	21CQL38	HOÀNG THỊ THÙY TRANG	Nữ	26/12/2002	Quản lý văn hóa	Khá	
17	QLVH27	21CQL43	TRẦN PHƯỚC VINH	Nam	29/6/2003	Quản lý văn hóa	Khá	
18	QLVH28	22CQL03	NGUYỄN MINH DUY	Nam	19/05/2003	Quản lý văn hóa	Khá	
19	QLVH28	22CQL08	TRẦN NGỌC TINH KHÔI	Nam	08/12/2003	Quản lý văn hóa	Khá	
20	QLVH28	22CQL10	LÊ THỊ THÚY KIỀU	Nữ	05/09/2003	Quản lý văn hóa	Giỏi	
21	QLVH28	22CQL12	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	20/11/2004	Quản lý văn hóa	Khá	
22	QLVH28	22CQL16	TRẦN VĂN PHÚC	Nam	26/03/2003	Quản lý văn hóa	Giỏi	
23	QLVH28	22CQL20	NGUYỄN THÀNH TÂM	Nam	24/06/2004	Quản lý văn hóa	Khá	
24	QLVH28	22CQL21	LÊ THỊ NGỌC THANH	Nữ	31/08/2003	Quản lý văn hóa	Khá	
25	QLVH28	22CQL22	NGUYỄN NHẬT THÙY	Nữ	07/04/2004	Quản lý văn hóa	Khá	
26	QLVH28	22CQL27	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	16/10/2003	Quản lý văn hóa	Khá	
27	QLVH28	22CQL28	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	27/10/2003	Quản lý văn hóa	Khá	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
28	NA28	22CNA03	NGUYỄN LÊ TRÍ MINH	Nam	03/09/1999	Nhiếp ảnh	Khá	
29	NA28	22CNA05	NGUYỄN QUỐC NHẬT	Nam	12/02/2004	Nhiếp ảnh	Khá	
30	NA28	22CNA09	PHAN NGUYỄN THẢO TRANG	Nữ	10/09/2002	Nhiếp ảnh	Trung bình	
31	NA28	22CNA12	LÊ THỊ VƯƠNG	Nữ	15/05/2004	Nhiếp ảnh	Trung bình	
32	TKTT28	22CTT01	NGUYỄN THỊ NHƯ BÌNH	Nữ	17/06/1999	Thiết kế thời trang	Giỏi	
33	TKTT28	22CTT03	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	10/11/2004	Thiết kế thời trang	Khá	
34	TKTT28	22CTT06	TRẦN THỊ LIỄU	Nữ	10/09/2002	Thiết kế thời trang	Khá	
35	TKTT28	22CTT08	TRẦN LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	17/09/2004	Thiết kế thời trang	Khá	
36	TKTT28	22CTT10	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	25/09/2003	Thiết kế thời trang	Khá	
37	TKTT28	22CTT12	ĐỖ THỊ ĐÀI TRANG	Nữ	25/10/2004	Thiết kế thời trang	Khá	
38	TKTT28	22CTT13	TRẦN KHÁNH TƯỜNG	Nam	19/07/2003	Thiết kế thời trang	Giỏi	
39	HH28	22CHH01	LÊ THANH TRANG ĐÀI	Nữ	02/02/2003	Hội họa	Khá	
40	HH28	22CHH04	CHUNG NGUYỄN BẢO HUY	Nam	12/11/2004	Hội họa	Khá	
41	HH28	22CHH05	MAI THỊ KA RA	Nữ	19/07/2001	Hội họa	Giỏi	
42	HH28	22CHH06	LƯU TUẤN KIÊN	Nam	29/09/2003	Hội họa	Khá	
43	HH28	22CHH08	ĐOÀN XUÂN QUANG	Nam	26/01/2003	Hội họa	Khá	
44	TKCN28	22CCN03	TRƯƠNG THỊ MỸ CHÂU	Nữ	20/07/2004	Thiết kế công nghiệp	Khá	
45	TKCN28	22CCN06	HỨA GIA HUY	Nam	29/04/2003	Thiết kế công nghiệp	Khá	
46	TKCN28	22CCN07	VŨ THẠCH BẢO KHANH	Nam	08/12/2002	Thiết kế công nghiệp	Khá	
47	TKCN28	22CCN08	HÀ TRÚC LINH	Nữ	03/03/2003	Thiết kế công nghiệp	Giỏi	
48	TKCN28	22CCN11	NGUYỄN XUÂN HOÀI THƯƠNG	Nữ	19/10/2004	Thiết kế công nghiệp	Khá	
49	TKCN28	22CCN12	NGUYỄN HẰNG VY	Nữ	21/04/2000	Thiết kế công nghiệp	Giỏi	
50	ĐD28	21CDD10	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	05/10/2003	Đạo diễn sân khấu	Giỏi	
51	ĐD28	22CDD03	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Nữ	15/11/2002	Đạo diễn sân khấu	Khá	
52	ĐD28	22CDD06	NGUYỄN BÌNH QUỐC NGHI	Nam	08/12/2002	Đạo diễn sân khấu	Khá	
53	ĐD28	22CDD11	PHẠM HỒNG THANH	Nam	12/08/2000	Đạo diễn sân khấu	Giỏi	
54	DV28	22CDV01	NGUYỄN XUÂN HÙNG ANH	Nam	24/01/1997	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
55	DV28	22CDV02	HUỲNH QUỐC ANH	Nam	24/02/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
56	DV28	22CDV03	NGUYỄN MINH NAM ANH	Nam	19/06/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
57	DV28	22CDV04	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/11/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
58	DV28	22CDV06	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	19/11/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
59	DV28	22CDV07	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	08/05/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
60	DV28	22CDV08	NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG	Nam	17/11/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
61	DV28	22CDV10	NGUYỄN HOÀI DƯƠNG	Nam	24/01/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
62	DV28	22CDV11	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	14/02/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
63	DV28	22CDV12	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	27/09/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
64	DV28	22CDV16	HUỲNH VĂN ĐỒNG	Nam	20/11/2000	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
65	DV28	22CDV17	VÕ TẤN ĐỨC	Nam	02/01/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
66	DV28	22CDV20	TRẦN VĨ HÀO	Nam	20/01/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
67	DV28	22CDV21	LÊ TRIỆU THÚY HÒA	Nữ	17/11/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
68	DV28	22CDV22	NGÔ XUÂN MINH HƯƠNG	Nữ	17/11/1999	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
69	DV28	22CDV23	HUỲNH CHÍ KHANH	Nam	20/05/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
70	DV28	22CDV25	TRẦN BÌNH KHIÊM	Nam	24/04/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
71	DV28	22CDV28	TẠ THẾ KHƯƠNG	Nam	27/01/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
72	DV28	22CDV29	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	14/09/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
73	DV28	22CDV32	VÕ PHƯƠNG LINH	Nữ	29/03/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
74	DV28	22CDV33	LƯƠNG TẤN LỘC	Nam	21/11/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
75	DV28	22CDV34	NGUYỄN TRẦN NHẬT LONG	Nam	09/10/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
76	DV28	22CDV37	LƯƠNG THẾ NGỌC	Nam	06/12/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
77	DV28	22CDV39	TRẦN THỊ KIM NGUYỄN	Nữ	19/09/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
78	DV28	22CDV40	LÊ CHÍ NGUYỄN	Nam	20/11/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
79	DV28	22CDV41	LÊ NGUYỄN ĐẠT NHÂN	Nam	05/06/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
80	DV28	22CDV43	PHAN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	07/09/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
81	DV28	22CDV44	NGUYỄN HỒNG PHÁT	Nam	29/05/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Xuất sắc	
82	DV28	22CDV45	NGUYỄN THIÊN PHÚ	Nam	05/05/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
83	DV28	22CDV48	NGUYỄN DƯƠNG MINH TÂM	Nam	03/11/2001	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
84	DV28	22CDV49	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG THANH	Nữ	31/08/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
85	DV28	22CDV51	NGUYỄN VÕ ANH THY	Nữ	30/08/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
86	DV28	22CDV53	VŨ DUY MINH TIẾN	Nam	24/04/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
87	DV28	22CDV54	LÊ NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	03/10/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
88	DV28	22CDV56	NGUYỄN TẤN HOÀNG TRIỀU	Nam	21/07/2002	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
89	DV28	22CDV57	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	Nam	10/03/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
90	DV28	22CDV59	CAO THIÊN VĂN	Nam	29/08/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Giỏi	
91	DV28	22CDV60	PHẠM LÊ VŨ	Nam	11/10/2004	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
92	DV28	22CDV61	NGUYỄN THANH VY	Nữ	11/04/2003	Diễn viên kịch điện ảnh	Khá	
93	TN25	19CTN105	LUYỆN HUỖNH NHẬT TÂM	Nam	31/08/2001	Thanh nhạc	Khá	
94	TN26	20CTN11	H' WON BYÃ	Nữ	05/05/1997	Thanh nhạc	Giỏi	
95	TN26	20CTN22	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	19/04/2001	Thanh nhạc	Khá	
96	TN26	20CTN42	LÊ HOÀNG HÀ	Nữ	03/07/2002	Thanh nhạc	Khá	
97	TN26	20CTN68	PHẠM ĐĂNG NGỌC QUỲNH HƯƠNG	Nữ	12/07/1999	Thanh nhạc	Khá	
98	TN26	20CTN82	DƯƠNG MINH KHANG	Nam	12/11/2002	Thanh nhạc	Khá	
99	TN26	20CTN124	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	Nam	01/02/2001	Thanh nhạc	Khá	
100	TN26	20CTN157	LÊ TRẦN THẢO QUYÊN	Nữ	15/12/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
101	TN26	20CTN175	LÊ PHẠM XUÂN THẢO	Nữ	02/05/2001	Thanh nhạc	Khá	
102	TN26	20CTN202	HỒ QUANG TÙNG	Nam	22/08/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
103	TN27	21CTN06	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	31/12/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
104	TN27	21CTN15	LÊ QUỐC NGUYỄN CHƯƠNG	Nam	15/09/2000	Thanh nhạc	Khá	
105	TN27	21CTN49	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	01/11/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
106	TN27	21CTN52	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	12/09/2002	Thanh nhạc	Khá	
107	TN27	21CTN84	ĐINH TRUNG NGHĨA	Nam	18/05/2002	Thanh nhạc	Khá	
108	TN27	21CTN121	TRẦN TRÍ THỨC	Nam	09/11/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
109	TN27	21CTN134	NGUYỄN SỸ ÚT	Nam	13/02/2003	Thanh nhạc	Khá	
110	TN27	21CTN138	NGUYỄN TUẤN VŨ	Nam	28/07/2003	Thanh nhạc	Khá	
111	TN28	20CTN200	LÊ NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	14/08/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
112	TN28	21CTN93	NGUYỄN DUY NHẬT	Nam	09/9/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
113	TN28	22CTN01	ĐỖ ĐỨC AN	Nam	21/03/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
114	TN28	22CTN05	LÊ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	07/01/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
115	TN28	22CTN06	PHẠM THỊ HOÀNG ANH	Nữ	07/02/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
116	TN28	22CTN12	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	Nam	08/11/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
117	TN28	22CTN19	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	03/02/2004	Thanh nhạc	Xuất sắc	
118	TN28	22CTN20	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	27/12/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
119	TN28	22CTN21	ĐINH NGUYỄN THÙY DUYÊN	Nữ	03/01/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
120	TN28	22CTN22	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	01/08/2002	Thanh nhạc	Giỏi	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
121	TN28	22CTN16	VŨ HÀ THÙY DƯƠNG	Nữ	29/09/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
122	TN28	22CTN25	LÊ NGỌC LINH ĐAN	Nữ	20/11/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
123	TN28	22CTN27	HUỲNH PHÚ ĐẠT	Nam	22/12/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
124	TN28	22CTN26	ĐỖ HOÀNG ĐĂNG	Nam	01/01/2003	Thanh nhạc	Khá	
125	TN28	22CTN28	TRƯƠNG THỰC ĐOAN	Nữ	01/05/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
126	TN28	22CTN29	NGUYỄN TRIỆU KHÁNH ĐOAN	Nữ	26/11/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
127	TN28	22CTN33	PHẠM HUỲNH GIANG	Nữ	30/08/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
128	TN28	22CTN34	NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ	Nữ	06/06/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
129	TN28	22CTN37	ĐẶNG XUÂN HÀO	Nam	19/04/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
130	TN28	22CTN35	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	16/01/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
131	TN28	22CTN38	DƯƠNG TRUNG HIẾU	Nam	26/05/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
132	TN28	22CTN39	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	24/04/2000	Thanh nhạc	Giỏi	
133	TN28	22CTN41	TRẦN NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	11/11/1999	Thanh nhạc	Xuất sắc	
134	TN28	22CTN42	ĐINH XUÂN HÒA	Nam	22/04/2004	Thanh nhạc	Khá	
135	TN28	22CTN43	PHAN VĂN ANH HOÀN	Nam	28/03/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
136	TN28	22CTN48	NGUYỄN THANH HÙNG	Nam	18/03/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
137	TN28	22CTN49	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	22/08/1993	Thanh nhạc	Xuất sắc	
138	TN28	22CTN52	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	26/12/1999	Thanh nhạc	Giỏi	
139	TN28	22CTN53	TRẦN QUỐC HUY	Nam	19/07/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
140	TN28	22CTN54	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	26/09/1999	Thanh nhạc	Giỏi	
141	TN28	22CTN58	VÕ ANH KIẾT	Nam	05/03/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
142	TN28	22CTN55	ĐỒNG NGỌC KHẢI	Nam	25/11/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
143	TN28	22CTN56	VÕ HUỲNH MAI KHÔI	Nữ	02/12/2003	Thanh nhạc	Khá	
144	TN28	22CTN59	HUỲNH ÁI LAM	Nữ	13/09/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
145	TN28	22CTN60	PHẠM THỊ MỸ LỆ	Nữ	23/10/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
146	TN28	22CTN62	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	28/04/1998	Thanh nhạc	Khá	
147	TN28	22CTN65	TỔNG GIA LỘC	Nam	25/06/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
148	TN28	22CTN67	TRẦN KHÁNH LY	Nữ	14/04/2000	Thanh nhạc	Xuất sắc	
149	TN28	22CTN68	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	Nữ	31/08/2002	Thanh nhạc	Khá	
150	TN28	22CTN69	TRẦN GIA MINH	Nam	01/09/2003	Thanh nhạc	Khá	
151	TN28	22CTN71	PHẠM VĂN MINH	Nam	13/05/2002	Thanh nhạc	Khá	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
152	TN28	22CTN72	TRẦN ANH MINH	Nam	26/09/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
153	TN28	22CTN73	TRẦN THỊ TIÊU MY	Nữ	25/06/2000	Thanh nhạc	Giỏi	
154	TN28	22CTN74	LÊ THANH MỸ	Nữ	29/09/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
155	TN28	22CTN75	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Nữ	01/04/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
156	TN28	22CTN77	VŨ HOÀI NAM	Nam	17/08/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
157	TN28	22CTN78	HUỲNH BẢO NAM	Nam	08/07/2004	Thanh nhạc	Khá	
158	TN28	22CTN81	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	14/08/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
159	TN28	22CTN83	PHẠM NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	20/04/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
160	TN28	22CTN85	LÊ ĐỒNG BẢO NGỌC	Nữ	27/03/2004	Thanh nhạc	Khá	
161	TN28	22CTN88	NGUYỄN LÊ NHẢ	Nam	30/07/2001	Thanh nhạc	Khá	
162	TN28	22CTN89	TRƯƠNG NGUYỄN THANH NHÂN	Nam	28/04/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
163	TN28	22CTN90	ĐINH QUANG NHẬT	Nam	04/09/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
164	TN28	22CTN94	ĐỖ HUỲNH THẢO NHI	Nữ	10/02/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
165	TN28	22CTN96	ĐÀNG TRƯƠNG HOÀNG NHUẬN	Nam	02/09/2001	Thanh nhạc	Khá	
166	TN28	22CTN95	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	03/01/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
167	TN28	22CTN97	TRƯƠNG MINH NHỰT	Nam	10/10/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
168	TN28	22CTN99	NGUYỄN HOÀNG TRÚC OANH	Nữ	04/11/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
169	TN28	22CTN102	TRẦN THỊ ANH PHƯƠNG	Nữ	13/08/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
170	TN28	22CTN109	LÊ ĐỨC QUANG	Nam	20/10/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
171	TN28	22CTN110	LÊ MINH QUANG	Nam	01/02/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
172	TN28	22CTN108	NGUYỄN THANH QUÂN	Nam	22/01/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
173	TN28	22CTN111	LÊ PHÚ QUÍ	Nam	12/12/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
174	TN28	22CTN113	LÝ KIẾN QUỐC	Nam	17/11/2000	Thanh nhạc	Giỏi	
175	TN28	22CTN116	ĐẶNG NHẬT QUYỀN	Nam	18/07/2001	Thanh nhạc	Khá	
176	TN28	22CTN117	LÊ THỊ NGỌC SANG	Nữ	10/05/1997	Thanh nhạc	Giỏi	
177	TN28	22CTN118	NGUYỄN HUỲNH THÁI SANG	Nam	01/10/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
178	TN28	22CTN121	TỪ MINH TÂM	Nam	26/09/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
179	TN28	22CTN122	TRƯƠNG THÀNH TÂM	Nam	18/07/2004	Thanh nhạc	Xuất sắc	
180	TN28	22CTN123	PHAN LÂM TẤN	Nam	03/08/2001	Thanh nhạc	Giỏi	
181	TN28	22CTN139	PHAN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	10/08/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
182	TN28	22CTN150	LŨ ANH TUẤN	Nam	26/01/2003	Thanh nhạc	Giỏi	

STT	Lớp	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
183	TN28	22CTN152	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	02/04/2002	Thanh nhạc	Khá	
184	TN28	22CTN154	NGUYỄN HỒNG TUYỀN	Nam	12/01/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
185	TN28	22CTN127	NGUYỄN TRẦN THIÊN THANH	Nữ	01/11/2004	Thanh nhạc	Xuất sắc	
186	TN28	22CTN128	TRẦN PHAN DIỆU THANH	Nữ	06/03/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
187	TN28	22CTN126	ĐỖ DUY THẮNG	Nam	10/01/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
188	TN28	22CTN132	DƯƠNG HỮU THI	Nam	13/01/1996	Thanh nhạc	Xuất sắc	
189	TN28	22CTN136	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	Nữ	07/12/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
190	TN28	22CTN137	HUỲNH HOÀI THƯƠNG	Nam	22/10/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
191	TN28	22CTN138	NGUYỄN THỊ MINH THY	Nữ	16/07/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
192	TN28	22CTN145	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	11/05/2003	Thanh nhạc	Khá	
193	TN28	22CTN142	MAI THỊ KIỀU TRÂM	Nữ	17/11/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
194	TN28	22CTN143	TRẦN KHÁNH TRÂM	Nữ	30/01/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
195	TN28	22CTN144	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂN	Nữ	05/08/1996	Thanh nhạc	Giỏi	
196	TN28	22CTN147	NGUYỄN SINH TRUNG	Nam	01/06/1999	Thanh nhạc	Giỏi	
197	TN28	22CTN148	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	09/07/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
198	TN28	22CTN155	ĐÀNG THỊ KIM UYÊN	Nữ	03/04/2003	Thanh nhạc	Khá	
199	TN28	22CTN157	QUÁCH THỊ MỸ UYÊN	Nữ	22/08/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
200	TN28	22CTN159	TRẦN PHAN BẢO VIỆT	Nam	10/09/2002	Thanh nhạc	Khá	
201	TN28	22CTN160	NGUYỄN HẢI VINH	Nam	23/10/2003	Thanh nhạc	Giỏi	
202	TN28	22CTN161	TRẦN THỊ NGỌC VINH	Nữ	09/05/2003	Thanh nhạc	Khá	
203	TN28	22CTN162	TRẦN THÀNH VINH	Nam	01/02/2002	Thanh nhạc	Giỏi	
204	TN28	22CTN165	TRẦN NGUYỄN THÚY VY	Nữ	22/09/2004	Thanh nhạc	Khá	
205	TN28	22CTN166	HUỲNH MAI XUÂN	Nữ	20/09/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
206	TN28	22CTN168	H NGUIN BUÔN YÃ	Nữ	05/09/1986	Thanh nhạc	Khá	
207	TN28	22CTN169	NGUYỄN PHAN HOÀNG YẾN	Nữ	21/09/2004	Thanh nhạc	Giỏi	
208	TN28	22CTN170	LÊ THỊ HỒNG YẾN	Nữ	08/12/2003	Thanh nhạc	Xuất sắc	

Danh sách: 208
Nam: 114
Nữ: 94
Xếp loại tốt nghiệp:
Xuất sắc: 9
Giỏi: 108
Khá: 80
T.Bình: 11

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2025